TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 01 - 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Giang.

Bà Nguyễn Kim Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 350/2018/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 12 năm 2018, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Bông Văn V, sinh năm 1985 (Có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Huỳnh Kim C, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/11/2018 cùng các văn bản khác và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Bông Văn V trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2003, ông (Bông Văn V) và bà Huỳnh Kim C chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, đời sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc. Hiện ông và bà Huỳnh Kim C không còn sống chung với nhau. Xét thấy không có khả năng tự hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nên ông Bông Văn V yêu cầu ly hôn với bà Huỳnh Kim C.

Về con chung: Có 02 người tên là Bông Tường D (giới tính nữ), sinh ngày 10/02/2004 và Bông Văn N (giới tính nam), sinh ngày 06/01/2008. Hiện Bông Tường D và Bông Văn N do ông Bông Văn V nuôi dưỡng. Nay ông Bông Văn V và bà Huỳnh Kim C thống nhất thỏa thuận giao cả hai người con chung cho ông Bông Văn V trực tiếp nuôi dưỡng, ông Bông Văn V không yêu cầu bà Huỳnh Kim C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Yêu cầu được tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/11/2018, bị đơn là bà Huỳnh Kim C trình bày:

Về hôn nhân: Việc chung sống và không có đăng ký kết hôn cũng như mâu thuẫn đúng như ông Bông Văn V trình bày. Do quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, bà Huỳnh Kim C đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Bông Văn V.

Về con chung: Có 02 người đúng như ông Bông Văn V trình bày, hiện con chung giữa bà và ông Bông Văn V thống nhất thỏa thuận là ông Bông Văn V trực tiếp nuôi dưỡng cả hai người con chung, bà không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đồng thời bà Huỳnh Kim C yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Bông Văn V yêu cầu ly hôn với bà Huỳnh Kim C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Huỳnh Kim C yêu cầu được xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với bà Huỳnh Kim C là có căn cứ.

[2]. Xét về hôn nhân: Vào năm 2003, ông Bông Văn V và bà Huỳnh Kim C chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Do đó, hôn nhân giữa ông Bông Văn V và bà Huỳnh Kim C đã vi phạm quy định về đăng ký kết hôn. Cả hai xác định hôn nhân không hạnh phúc, cùng yêu cầu chấm dứt mối quan hệ vợ chồng. Căn cứ vào các điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình thì hôn nhân giữa ông Bông Văn V và bà Huỳnh Kim C không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Ông Bông Văn V và bà Huỳnh Kim C không được công nhận là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Cả hai người thống nhất xác định có 02 người con chung tên Bông Tường D (giới tính nữ), sinh ngày 10/02/2004 và Bông Văn N (giới tính nam), sinh ngày 06/01/2008. Qua thỏa thuận, bà Huỳnh Kim C thống nhất giao cả hai người con chung cho ông Bông Văn V tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, bà Huỳnh Kim C không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy yêu cầu này phù hợp với nguyện vọng của con chung, đồng thời do con chung chưa đủ 18 tuổi, cần phải có người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ để chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về nợ chung: Các đương sự thống nhất xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông Bông Văn V phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 9, 14, 53, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Bông Văn V và bà Huỳnh Kim C là vợ chồng.

2. Về con chung, ghi nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự cụ thể như sau:

Giao hai người con chung tên là Bông Tường D (giới tính nữ), sinh ngày 10/02/2004 và Bông Văn N (giới tính nam), sinh ngày 06/01/2008 cho ông Bông Văn V tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi Bông Tường D và Bông Văn N đủ 18 tuổi, có khả năng tự lao động sinh sống. Bà Huỳnh Kim C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Bông Văn V về việc không yêu cầu bà Huỳnh Kim C cấp dưỡng nuôi con.

Bà Huỳnh Kim C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Bông Văn V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ông Bông Văn V đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007413 ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND H.Phú Tân;*
- *Phòng KT-NV & THA(Tòa án tỉnh);*
- *Chi cục THADS H.Phú Tân (khi án có hiệu lực);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Phước